

Lưu ý/ Note:

- Xin điền vào ô trống và đánh dấu ☒ cho tất cả các lựa chọn thích hợp
Please fill in spaces and tick all ☒ where applicable
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) được viết tắt “**Ngân Hàng**” hoặc “**HSBC**”.
HSBC Bank (Vietnam) Ltd. is abbreviated to “the **Bank**” or “**HSBC**”.

Ngày / Date _____	Phân khúc khách hàng / Customer segment						
1. Mã số khách hàng thứ nhất: First customer number: _____	1. ☐ Khách hàng cá nhân / Personal banking customer: ☐ Khách hàng cá nhân / Personal Banking ☐ Nhân viên HSBC/ HSBC Staff						
2. Mã số khách hàng thứ hai Second customer number: _____	2. ☐ Gói Trả Lương Qua HSBC / HSBC Payroll Offers						
3. Mã số khách hàng chung: Joint customer number: _____	3. ☐ Khách hàng Premier / Premier customer: ☐ Theo số dư/ By total balance ☐ Quốc tế/ International ☐ Thẻ chấp/ Mortgage ☐ Lương/ Salary ☐ Doanh nghiệp/ Corporate ☐ Nhân viên Premier – Lương/ Premier Salary – Staff ☐ Nhân viên Premier/ Premier Staff ☐ Theo tiêu chí giá trị cao/ By High Value ☐ NextGen (*): Liên kết với khách hàng Premier số/ Linked with:						
	<table border="1"> <tr> <td>Mã số khách hàng Premier Premier customer number</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Mã số Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng Premier/ Premier Relationship Manager Code</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Mã số HIB Customer's source code (HIB code)</td> <td></td> </tr> </table>	Mã số khách hàng Premier Premier customer number		Mã số Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng Premier/ Premier Relationship Manager Code		Mã số HIB Customer's source code (HIB code)	
Mã số khách hàng Premier Premier customer number							
Mã số Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng Premier/ Premier Relationship Manager Code							
Mã số HIB Customer's source code (HIB code)							
	(*): Tài khoản Premier NextGen là tài khoản được liên kết với tài khoản của khách hàng Premier, người sở hữu tài khoản Premier NextGen là con hợp pháp của Khách hàng Premier trong độ tuổi từ đủ 15 tuổi đến 28. Giấy tờ xác nhận mối quan hệ nhân thân cần được đính kèm với đơn này. (*) The Premier NextGen Account(s) is the Account(s) associated to the Premier customer's Account(s). The owner of Premier NextGen Account(s) is the Premier Customer's legitimate child from full 15 to 28 years old. Proof of relationship is required.						

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN / PERSONAL DETAILS

	Chủ tài khoản thứ nhất First applicant	Chủ tài khoản thứ hai/ Second applicant
	☐ Khách hàng mới/New-to-bank customer ☐ Khách hàng hiện tại/Existing customer (*)	☐ Khách hàng mới/New-to-bank customer ☐ Khách hàng hiện tại/Existing customer (*)
	(*) Lưu ý: Thông tin của khách hàng sẽ không thay đổi <i>Note: Customer's information remained unchanged in this application</i>	
Danh xưng / Title	☐ Ông/ Mr. ☐ Bà / Mrs. ☐ Cô/ Ms.	☐ Ông/ Mr. ☐ Bà / Mrs. ☐ Cô/ Ms.
Họ và tên Full name		

Tên cũ / khác (nếu có)/ Former / Other name (if any)		
Ngày sinh/Date of birth		
Nơi sinh/Country of birth		
Quốc tịch chính (Quốc gia/vùng lãnh thổ)/Main nationality (Country/region)		
Tình trạng cư trú Residence status	☐ Người cư trú/ Resident ☐ Người không cư trú/Non-resident	☐ Người cư trú/ Resident ☐ Người không cư trú/ Non-resident
Quốc gia / Vùng lãnh thổ cư trú thuế /Jurisdiction of Tax Residence		
Mã số thuế cá nhân (Áp dụng cho tất cả các Quốc gia đăng ký thuế) Tax Identification Number (required for Jurisdiction of Tax Residency)		
Có thẻ xanh của Hoa Kỳ US green card holder (US permanent resident)	☐ Có / Yes ☐ Không / No	☐ Có / Yes ☐ Không / No
Thẻ Căn Cước/ Căn Cước Công Dân (CCCD) / Hộ Chiếu ID card / Passport (Hộ chiếu chỉ áp dụng cho người nước ngoài/Passport is applicable for foreigner only)	Số/No: Ngày cấp / Date of issue : Nơi cấp / Place of issue: Ngày hết hạn / Expired date: Số Thẻ Căn Cước/CCCD/CMND/ Hộ Chiếu cũ/ Old Citizen card / ID / Passport No:	Số/No: Ngày cấp / Date of issue : Nơi cấp / Place of issue: Ngày hết hạn / Expired date: Số Thẻ Căn Cước/CCCD/CMND/ Hộ Chiếu cũ/ Old Citizen card / ID / Passport No:
Số định danh cá nhân/Identification number	☐ Giống số Thẻ Căn Cước/ CCCD/ Same as ID card number ☐ Khác với số Thẻ Căn Cước /CCCD/ Different from ID card number: Số/Number:	☐ Giống số Thẻ Căn Cước /CCCD/ Same as ID card number ☐ Khác với số Thẻ Căn Cước /CCCD/ Different from ID card number: Số/Number:
Nghề nghiệp Occupation	☐ Salary Earner / Nhân viên ☐ Key Controller/ Điều hành doanh nghiệp ☐ Student / Học sinh/ Sinh viên ☐ Retired / Nghỉ hưu ☐ Unemployed / Không làm việc	☐ Salary Earner / Nhân viên ☐ Key Controller/ Điều hành doanh nghiệp ☐ Student / Học sinh/ Sinh viên ☐ Retired / Nghỉ hưu ☐ Unemployed / Không làm việc

	☐ Housewife / Nội trợ ☐ Business Owner /Self Employed <i>Chủ doanh nghiệp/Tự doanh</i>	☐ Housewife / Nội trợ ☐ Business Owner /Self Employed <i>Chủ doanh nghiệp/Tự doanh</i>
Chức vụ <i>Job title/ position</i>		
Ngành nghề kinh doanh <i>Nature of Business</i>		
Nơi công tác <i>Company name</i>		
Thu nhập hàng tháng <i>/ Monthly income (VND equivalent)</i>		
Địa chỉ nơi công tác/ <i>Company address</i> Tỉnh/Thành phố/ <i>Province/City</i> Quốc gia/ Vùng lãnh thổ <i>/Country/region</i>		
Địa chỉ đăng ký thường trú/ Permanent registration address <i>Tỉnh/Thành phố/ Province/City</i> <i>Quốc gia/ Vùng lãnh thổ/ Country/region</i>		
Địa chỉ nơi ở hiện tại/Residential address <i>Tỉnh/Thành phố/ Province/City</i> <i>Quốc gia/ Vùng lãnh thổ/ Country/region</i>		
Cư trú tại địa chỉ hiện tại từ / Live at residential address since <i>(dd/mm/yyyy)</i>		
Nếu thời gian cư trú tại địa chỉ hiện tại dưới 3 năm / if above residing duration is less than 3 years:		
Địa chỉ nơi ở cũ <i>Previous residential address</i> Tỉnh/ Thành phố <i>Province/City</i> Quốc gia/ Vùng lãnh thổ <i>/ Country/region</i> Cư trú tại địa chỉ trên từ/ Resided at above previous address since <i>(dd/mm/yyyy)</i>		
Đối với người nước ngoài/ For foreigner:		
Thị thực/Thẻ tạm trú/Visa/Temporary resident card	Số/ Number: Ngày hiệu lực/ Start date: Ngày hết hạn/ Expiry date:	Số/ Number: Ngày hiệu lực/ Start date: Ngày hết hạn/ Expiry date:

Số định danh người nước ngoài (nếu có)/ <i>Identification number of foreigner (if any)</i>	Số/ Number:	Số/ Number:
Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam / <i>Residential address in Vietnam</i>	☐ Giống với nơi ở hiện tại / <i>Same as residential address</i> ☐ Khác (vui lòng ghi rõ)/ <i>Others (please specify)</i> + Địa chỉ/Address: + Tỉnh/ Thành phố/Province/City: + Quốc gia/ Vùng lãnh thổ/ Country/region:	☐ Giống với nơi ở hiện tại / <i>Same as residential address</i> ☐ Khác (vui lòng ghi rõ)/ <i>Others (please specify)</i> + Địa chỉ/Address: + Tỉnh/ Thành phố/Province/City: + Quốc gia/ Vùng lãnh thổ/ Country/region:
Địa chỉ đăng ký cư trú tại nước ngoài (nơi quốc gia có quốc tịch) <i>/ Overseas residential address</i> Tỉnh/ Thành phố <i>Province/City</i> Quốc gia/ Vùng lãnh thổ <i>/ Country/region</i>		
Đối với người đa quốc tịch/ For multinational person:		
Quốc tịch thứ 2 (Quốc gia/vùng lãnh thổ)/ <i>Second nationality (Country/region)</i>		
Hộ Chiếu (quốc tịch 2) <i>/ Passport (2nd nationality)</i>	Số/No: Ngày cấp / Date of issue : Nơi cấp / Place of issue: Ngày hết hạn / Expired date:	Số/No: Ngày cấp / Date of issue : Nơi cấp / Place of issue: Ngày hết hạn / Expired date:
Địa chỉ cư trú tại quốc gia có quốc tịch 2 / <i>Residence address at second nationality</i> Tỉnh/ Thành phố <i>Province/City</i> Quốc gia/ Vùng lãnh thổ <i>/ Country/region</i>		
Phương thức liên lạc / Correspondence method:		
Địa chỉ liên lạc <i>Correspondence address</i>	☐ Nơi ở hiện tại/Residential address ☐ Địa chỉ công ty/Company address ☐ Địa chỉ hộ khẩu thường trú/Registered permanent address	☐ Nơi ở hiện tại/ Residential address ☐ Địa chỉ công ty/ Company address ☐ Địa chỉ hộ khẩu thường trú/ Registered permanent address

Thư điện tử /Email		
Số điện thoại <i>Phone number</i>	Di động/ Mobile: Nơi công tác/ Company:	Di động/ Mobile: Nơi công tác/ Company:
Yêu cầu không gửi thông tin tiếp thị, quảng cáo qua tất cả các kênh/Do not send marketing, advertising materials via all channels ☐		
Chu kỳ nhận sao kê / Bank statement cycle: Hàng tháng / Monthly		

II. THÔNG TIN TÀI KHOẢN GIAO DỊCH MỚI / NEW TRANSACTIONAL ACCOUNT(S) DETAILS

Loại tài khoản / Type of Account(s)		Loại tiền tệ (*) / Currency (*)
☐ Tài Khoản Giao Dịch Vãng Lai / Current Account(s):		_____
☐ Tài Khoản Tiền Gửi An Lợi / Savings Account(s):		_____
☐ Khác / Other _____		_____

(*) **Lưu ý / Note:**
Loại tiền tệ (*) / Currency (*): VND, USD, EUR, GBP, AUD, CAD, JPY, SGD, HKD
Quý khách có thể chọn nhiều hơn một loại tiền tệ. Mỗi lựa chọn sẽ là một tài khoản với loại tiền tệ tương ứng./ You could choose more than one currency. With each currency chosen, a new account with the respective currency shall be opened.

Mục đích mở tài khoản / Account(s) opening purpose:

☐ Giao dịch <i>Transaction</i>	☐ Tiết kiệm <i>Saving</i>	☐ Đầu tư <i>Investment</i>
☐ Nhận lương <i>Salary/Payroll</i>	☐ Chi phí cá nhân/Chi phí hộ gia đình <i>Personal expenses/Household expenses</i>	
☐ Thanh toán học phí <i>Educational funds</i>	☐ Thanh toán quốc tế <i>International payments</i>	
☐ Trả nợ (các) khoản vay, thế chấp và/hoặc tài chính khác <i>Repay loan(s), mortgage and / or other financing</i>		
☐ Khác (vui lòng ghi rõ)/ Others (please specify): _____		

Nguồn tiền mở tài khoản/ Source of Fund used to open Account(s):
Khoản nộp đầu tiên/ Amount of initial deposit: _____
Họ tên người/ công ty chuyển hoặc nộp tiền/ Name of originator: _____

Phương thức nhận tiền/ Method of credits:
☐ **Nộp tiền mặt/ Cash deposit**
☐ **Chuyển khoản/ Transfer**

Nguồn tiền này từ quốc gia/ vùng lãnh thổ nào/ Country/region of source of funds: _____
Vui lòng cung cấp thêm thông tin về nguồn tiền này/ Please provide more information of initial source of funds: _____

Dự kiến nguồn tiền giao dịch với Ngân Hàng trong thời gian duy trì tài khoản/ Expected Source of Fund during the relationship:
Khoản nộp dự kiến hàng tháng/ Expected monthly amount/value of ongoing deposit: _____

Họ tên người/ công ty chuyển hoặc nộp tiền/ Name of originator: _____

Phương thức nhận tiền/ Method of credits: _____

☐ **Nộp tiền mặt/ Cash deposit**☐ **Chuyển khoản/ Transfer****Nguồn tiền này từ quốc gia/ vùng lãnh thổ nào/ Country/region of source of funds:** _____**Vui lòng cung cấp thêm thông tin về nguồn tiền này/ Please provide more information of ongoing source of funds** _____

III. PHƯƠNG THỨC ĐIỀU HÀNH TÀI KHOẢN CHUNG/JOINT ACCOUNT(S) OPERATION METHOD

1. Thông tin của chủ tài khoản được chọn dưới đây sẽ áp dụng cho (các) Tài Khoản Chung được mở theo đơn này./Information of the below selected applicant shall be applied to the Joint Account(s) opened under this form.

☐ **Chủ tài khoản thứ nhất / First applicant**☐ **Chủ tài khoản thứ hai / Second applicant**

2. Phương thức điều hành Tài Khoản Chung được chọn dưới đây sẽ áp dụng cho (các) Tài Khoản Chung được mở theo đơn này và các Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn được ghi nợ từ (các) Tài Khoản Chung này, bao gồm thực hiện các giao dịch, thay đổi thông tin, mở/đóng/thay đổi chỉ thị trên (các) Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn / The Joint Account(s) operation method selected below shall be applied to the Joint Account(s) opened under this form and Time Deposit Account(s) debit from these Joint Account(s), including to conduct any transaction, to update Account information, to open/close/modify Maturity Instruction of Time Deposit Account(s)

☐ **“Bất kỳ chữ ký nào” / “Either to sign”**☐ **“Cả hai chữ ký” / “Both to sign”**

IV. THẺ THANH TOÁN QUỐC TẾ HSBC/ HSBC VISA DEBIT CARD

Tên trên thẻ phải tương ứng với Thẻ Căn Cước/CCCD/Hộ chiếu và không quá 19 ký tự kể cả khoảng trống./Name on card must be in accordance with ID/Passport and does not exceed 19 letters, including spaces.

Chủ tài khoản thứ nhất/ First applicant

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Chủ tài khoản thứ hai/ Second applicant

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

☐ **Liên kết các tài khoản sau với thẻ Thanh Toán Quốc Tế HSBC***Link below Account(s) with my/our HSBC Visa Debit Card*

Tài khoản mặc định của Thẻ Thanh Toán Quốc Tế HSBC là tài khoản VND, hai tài khoản khác có thể được liên kết để sử dụng tại ATM./ The default Account of a HSBC Visa Debit Card is a VND Account, two secondary Accounts could be linked for ATM usage:

☒ **Chủ tài khoản thứ nhất/ First applicant****Tài khoản liên kết 1/ Linked secondary account #1:****Tài khoản liên kết 2/ Linked secondary account #2:**☒ **Chủ tài khoản thứ hai/ Second applicant****Tài khoản liên kết 1/ Linked secondary account #1:****Tài khoản liên kết 2/ Linked secondary account #2:**

Thông báo giao dịch trên Thẻ Thanh Toán và Tài Khoản liên kết với thẻ bằng tin nhắn (phí áp dụng theo biểu phí hiện hành của Ngân Hàng)/ SMS Alert Service For Debit Card and Account(s) Linked To Card Transactions (fee may be applicable per prevailing bank tariff): ☐ **Có/ Yes** ☐ **Không/ No**

☐ **Không yêu cầu Ngân Hàng phát hành Thẻ Thanh Toán Quốc Tế HSBC / Do not request to issue new HSBC Debit Card**

V. NHẬN BIẾT VÀ XÁC THỰC THÔNG TIN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG THAM GIA THỎA THUẬN PHÁP LÝ*/ IDENTIFICATION AND VERIFICATION OF INFORMATION USED TO IDENTIFY CUSTOMERS JOINING ANY LEGAL ARRANGEMENT(S)*

(*) Thỏa thuận pháp lý là thỏa thuận dưới hình thức ủy thác hoặc hình thức khác có bản chất tương tự được xác lập theo pháp luật nước ngoài, cho phép bên nhận ủy thác được nhận chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ bên ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì mục đích được xác định trong thỏa thuận.

(*) Legal arrangement refers to a trust or any other similar legal arrangement recognized and established by foreign laws, under which the trustee is allowed to acquire the legal ownership and control of the property through the transfer process from the settlor/grantor to conduct the operation, management, and supervision of such property for the benefit of the beneficiary or for the agreed purposes.

Vui lòng chọn vào ô bên dưới nếu Quý khách đang không tham gia vào bất kỳ Thỏa thuận pháp lý nào:/Please tick in the box below to confirm if you are not involved in any Legal arrangement(s):

☐ **Chúng tôi xác nhận rằng chúng tôi đang không tham gia vào bất kỳ Thỏa thuận pháp lý nào dưới danh nghĩa người được ủy thác / ủy quyền**

We are currently not involved in any Legal arrangement(s) as an entrusted or authorized party

VI. XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG / ACCOUNT HOLDER(S)' CONFIRMATION

1. Chúng tôi xác nhận rằng các chi tiết thông tin nêu trên là đúng sự thật, chính xác và cập nhật và ủy quyền cho HSBC xác thực thông tin này từ bất kỳ nguồn nào mà Ngân Hàng quyết định.

We confirm that the information given above is true, precise and most updated, and authorize HSBC to confirm this from any source that the Bank may choose.

2. Chúng tôi xác nhận rằng Ngân Hàng đã cung cấp, giải thích chi tiết, đầy đủ Đơn Mở Tài Khoản Cá Nhân, Bản Điều Khoản và Điều Kiện Chung (Bản Điều Khoản Và Điều Kiện Của Tài Khoản Chính Premier), Các Điều Khoản và Điều Kiện Tài Khoản Giao Dịch, Các Điều Khoản và Điều Kiện Thẻ Thanh Toán Quốc Tế, Các Điều Khoản Và Điều Kiện Dành Cho Ngân Hàng Trực Tuyến, Bản Điều Khoản và Điều Kiện Sử Dụng Ứng Dụng HSBC Việt Nam, Biểu Phí Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân (Biểu Phí Dịch Vụ HSBC Premier) (sau đây gọi là “**Các Bản Điều Khoản và Điều Kiện**”) (có thể được sửa đổi theo từng thời điểm) và Ngân Hàng có thời gian hợp lý để chúng tôi nghiên cứu và chúng tôi đã hiểu rõ, và đồng ý với toàn bộ thông tin của Các Bản Điều Khoản và Điều Kiện (có thể được sửa đổi theo từng thời điểm) và Đơn Mở Tài Khoản Cá Nhân và các vấn đề khác có liên quan đến các Dịch Vụ của Ngân Hàng.

*We confirm that the Bank has provided and explained in full details about Personal Account Opening Form, General Terms and Conditions (Premier Master Account Terms and Conditions), Transactional Account Terms and Conditions, Debit Card Terms and Conditions, Terms and Conditions For Online Banking, HSBC Vietnam App Terms and Conditions, Personal Banking Tariff (HSBC Premier Tariff) (hereafter called the “**Terms and Conditions**”)(as may be amended from time to time) and to us and we have fully understood and agreed to all information about Terms and Conditions and Personal Account Opening Form and other matters related to the services of the Bank.*

3. Đơn Mở Tài Khoản Cá Nhân này khi được Ngân Hàng chấp thuận là một phần không tách rời của Các Bản Điều Khoản và Điều Kiện (và các phiên bản sửa đổi, điều chỉnh tại từng thời điểm) và cùng tạo thành một thỏa thuận và giải thích hoàn chỉnh cho các Dịch Vụ mà Ngân Hàng cung cấp cho Khách Hàng.

This Personal Account Opening Form, after the Bank accepts it, is an integral part of Terms and Conditions and its amendments from time to time and together forms a complete agreement and understanding of the Services provided by the Bank to Customer.

4. Chúng tôi xác nhận rằng chữ ký dưới đây của chúng tôi cũng là chữ ký mẫu mà Ngân Hàng sẽ sử dụng để kiểm tra tính xác thực của các chỉ thị do chúng tôi gửi đến Ngân Hàng.

We confirm that our signature(s) below is/are also the specimen signature(s) that the Bank shall use to verify our instructions to the Bank.

5. Chúng tôi xác nhận rằng chúng tôi đã đọc và hiểu rõ Thông Báo Bảo Mật của HSBC được công bố tại <https://www.hsbc.com.vn/privacy-and-security/>. Chúng tôi đồng ý rõ ràng, tự nguyện, khẳng định, vô điều kiện để HSBC xử lý Dữ Liệu Cá Nhân của chúng tôi theo Thông Báo Bảo Mật của HSBC.

We acknowledge and confirm that we have read and understood HSBC Privacy Notice published at <https://www.hsbc.com.vn/privacy-and-security/>. We hereby give our explicit, voluntary, affirmative, unconditional consent for HSBC to process our Personal Data in accordance with the contents of HSBC Privacy Notice.

6. Chúng tôi xác nhận, tuyên bố và bảo đảm rằng (i) mọi người có Dữ Liệu Cá Nhân mà chúng tôi (hoặc bất kỳ ai thay mặt chúng tôi) đã cung cấp hoặc sẽ cung cấp cho HSBC hoặc một thành viên của Tập Đoàn HSBC ("**Những Người Có Liên Quan**" của chúng tôi) đã được thông báo về Thông Báo Bảo Mật của HSBC; (ii) Những Người Có Liên Quan đã đồng ý rõ ràng, tự nguyện, khẳng định, vô điều kiện để HSBC xử lý Dữ Liệu Cá Nhân của Những Người Có Liên Quan theo Thông Báo Bảo Mật của HSBC; và (iii) chúng tôi được phép tiết lộ Dữ Liệu Cá Nhân của Những Người Có Liên Quan cho HSBC và/hoặc các thành viên của Tập Đoàn HSBC để HSBC và/hoặc các thành viên của Tập Đoàn HSBC có thể xử lý dữ liệu theo cách tương tự. Đồng thời, chúng tôi đã thông báo cho Những Người Có Liên Quan hiểu rõ về các quyền khác nhau của Những Người Có Liên Quan đối với Dữ Liệu Cá Nhân theo Thông Báo Bảo Mật của HSBC và quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam. Chúng tôi, bằng văn bản này, cam kết xác minh tính chính xác và đầy đủ của Dữ Liệu Cá Nhân được cung cấp cho HSBC.

*We confirm, represent, and warrant that (i) every person whose Personal Data that we (or anyone on our behalf) has provided or will from time to time provide to HSBC or a member of the HSBC Group (our "**Connected Persons**") has been notified of HSBC Privacy Notice; (ii) they have given their explicit, voluntary, affirmative, unconditional consent for HSBC to process their Personal Data in accordance with the contents of HSBC Privacy Notice; and (iii) we are authorized to disclose their Personal Data to HSBC and/or members of the HSBC Group so that HSBC and/or members of the HSBC Group can process the same. At the same time, we have advised them of their various rights with respect to their Personal Data in accordance with the contents of HSBC Privacy Notice and in compliance with applicable laws of Vietnam. We, with this, undertake to verify the accuracy and completeness of the Personal Data provided to HSBC.*

7. Chúng tôi xác nhận và hiểu rằng trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào đối với sự đồng ý của chúng tôi, chúng tôi sẽ yêu cầu bằng văn bản theo mẫu quy định có sẵn tại các chi nhánh của HSBC hoặc các kênh khác được cung cấp trong Thông Báo Bảo Mật của HSBC. Chúng tôi hiểu rằng nếu chúng tôi thay đổi sự đồng ý của mình vì bất kỳ mục đích nào và tùy thuộc vào tính chất yêu cầu của chúng tôi, HSBC có thể không tiếp tục cung cấp Sản Phẩm và/hoặc Dịch Vụ cho chúng tôi.

We acknowledge and understand that in case of any change to our given consent, we will request in writing using the prescribed form available at HSBC branches or other channels provided in HSBC Privacy Notice. We understand that if we change our consent for any purpose and depending on the nature of our request, HSBC may not be able to continue to provide Products and/or Services to us.

8. Chúng tôi xác nhận rằng chúng tôi đã đọc và hiểu rõ và đồng ý với Quy Tắc Bảo Vệ Thông Tin Của Người Tiêu Dùng của HSBC được công bố tại <https://grp.hsbc/quytacbaovethongtincuanguoitieudung> và công khai theo hình thức niêm yết tại trụ sở, địa điểm kinh doanh của HSBC. Chúng tôi đồng ý rõ ràng, tự nguyện, khẳng định, vô điều kiện để HSBC xử lý thông tin của chúng tôi theo Quy Tắc Bảo Vệ Thông Tin Của Người Tiêu Dùng của HSBC.

We acknowledge and confirm that we have read and understood HSBC Principles Of Consumer Information Protection published at <https://grp.hsbc/principlesofconsumerinformationprotection> and publicly announced in a distinct position at the Head office and branches or transaction offices of HSBC. We hereby give our explicit, voluntary, affirmative, unconditional consent for HSBC to process our data in accordance with the contents of HSBC Principles Of Consumer Information Protection.

9. Ngoại trừ giao dịch thanh toán trực tuyến bằng hình thức xác nhận EMV 3DS và có yêu cầu OTP, bằng việc sử dụng Thẻ Thanh Toán Quốc Tế phát hành bởi Ngân Hàng, Chúng tôi đồng ý ủy quyền cho Ngân Hàng thay mặt Chúng tôi thực hiện xác nhận với tất cả các giao dịch phát sinh trên Thẻ theo quy định hiện hành của Ngân Hàng và Tổ chức Thẻ về xác thực giao dịch. Đối với các giao dịch thanh toán trực tuyến bằng hình thức xác nhận EMV 3DS và có yêu cầu OTP, Chúng tôi sẽ tự thực hiện xác nhận giao

dịch bằng cách nhập mã OTP có hiệu lực trên cổng thanh toán theo quy định của Ngân Hàng và Tổ chức Thẻ về xác thực giao dịch. Dựa kết quả xác nhận mã OTP đó của Khách Hàng, Ngân Hàng sẽ thực hiện xác nhận giao dịch.

Except for online payment transactions using EMV 3DS authentication and requiring OTP, by using Debit Card issued by the Bank, We agree to authorize the Bank to confirm on our behalf all transactions made on the Card(s) by the prevailing regulations of the Bank and the Card Organization on transaction authentication. For online payment transactions using EMV 3DS authentication and requiring OTP, We will authenticate the transactions by entering the valid OTP code(s) on the payment gateway by the Bank and the Card Organization's regulations on transaction authentication. Based on the Customer's OTP code confirmation results, the Bank will authenticate the transaction.

10. Chúng tôi theo đây xác nhận và đồng ý HSBC gửi tin nhắn SMS và thư điện tử có các nội dung có chứa đường dẫn liên kết (Hyperlink) để truy cập các trang tin điện tử của HSBC cho Chúng tôi trong quá trình đăng ký và sử dụng sản phẩm/dịch vụ của HSBC.

We hereby confirm and agree that HSBC may send us SMS messages and emails containing hyperlinks to access HSBC's electronic information pages during the registration and use of HSBC products/services.

11. Đơn Mở Tài Khoản Cá Nhân này được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa hai ngôn ngữ này, thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Personal Account Opening Form is provided in Vietnamese and English languages. In case of any inconsistencies, the Vietnamese version shall take precedence.

Tên và chữ ký chủ tài khoản thứ nhất <i>Name and signature of first applicant</i>	Tên và chữ ký chủ tài khoản thứ hai <i>Name and signature of second applicant</i>
SV	
Ngày/Date:	Ngày/Date:

VII. DÀNH CHO NGÂN HÀNG / FOR BANK USE ONLY

Lập bởi / <i>Prepared by</i>	Phê duyệt bởi / <i>Approved by</i>	Kiểm tra bởi / <i>Checked by</i>
Tên & chữ ký / <i>Full Name & signature</i>	Tên & chữ ký / <i>Name & signature</i>	Tên & chữ ký / <i>Full Name & signature</i>
Ngày / <i>Date</i> Phòng Giao Dịch/Chi Nhánh / <i>TO/Branch</i>	Ngày / <i>Date</i> Phòng Giao Dịch/Chi Nhánh / <i>TO/Branch</i>	Ngày / <i>Date</i> Phòng Giao Dịch/Chi Nhánh / <i>TO/Branch</i>
☐ Đã kiểm tra BL / <i>BL checked</i>		